TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày 12 - 5 - 2025
"V/v T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thảo Nhi
Ông Dương Đức Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp 10, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Võ Công K, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp 14, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn S (tên gọi khác: Lê Văn S), sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị N và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên bà Phạm Thị N có cho ông Lê Văn S (S) vay mượn tiền vàng các lần như sau:

Ngày 13/5/2018, bà N cho ông S vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, không quy định thời hạn trả.

Ngày 28/10/2018, bà N cho ông S vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, không quy định thời hạn trả.

Ngày 13/11/2018, bà N cho ông S mượn số vàng 05 chỉ vàng 24k.

Tổng cộng số tiền vàng bà N cho ông S vay 15.000.000 đồng và mượn 05 chỉ vàng 24k.

Khi vay mượn số tiền vàng nói trên ông S có viết biên nhận ghi có thiếu chị Hai L (tức tên thường gọi của bà N) số tiền vàng vay mượn đưa cho bà N giữ. Từ khi vay mượn

đến nay ông S chưa trả cho bà N vốn lãi số tiền vàng vay mượn, bà N có đến nhà gặp ông S nhiều lần để đòi số tiền vàng vay mượn nhưng ông S chỉ hứa hẹn mà không trả nợ.

Bà N yêu cầu ông S trả số tiền vay gốc 15.000.000 đồng và vàng mượn 05 chỉ vàng 24k. Bà N yêu cầu ông S trả lãi số tiền vay gốc 15.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 74 tháng (tính từ tháng 11 năm 2018 cho đến tháng 01 năm 2025) = 18.426.000 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc và lãi ông S phải trả cho bà N là 33.426.000 đồng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Về hợp đồng vay mượn tiền vàng giữa bà N và ông S với số tiền vàng như bà N trình bày là có thật, phù hợp với các biên nhận nợ, chứng cứ bà N cung cấp có tại hồ sơ. Từ khi vay mượn đến nay ông S chưa trả cho bà N vốn lãi số tiền vàng vay mượn, bà N có gặp ông S nhiều lần để đòi số tiền vàng vay mượn nhưng ông S hứa hẹn mà không trả nợ. Do đó, bà N yêu cầu ông S trả số tiền vay gốc 15.000.000 đồng và vàng mượn 05 chỉ vàng 24k, đồng thời bà N yêu cầu ông S trả lãi số tiền vay gốc 15.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 74 tháng (tính từ tháng 11 năm 2018 cho đến tháng 01 năm 2025) = 18.426.000 đồng là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông S vắng mặt không có lý do, đối với ông K có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S và ông K.

[2] Về nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với ông Lê Văn S:

[2.1] Về giao dịch vay mượn tiền vàng giữa hai bên: Bà N cho rằng bà có cho ông S (S) vay mượn tiền vàng các lần như sau: Ngày 13/5/2018, bà N cho ông Siển vay số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 28/10/2018, bà N cho ông S vay số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 13/11/2018, bà N cho ông S mượn số vàng 05 chỉ vàng 24k. Nay bà N yêu cầu ông S trả số tiền vay gốc 15.000.000 đồng và vàng mượn 05 chỉ vàng 24k. Xét thấy, sự việc giao dịch vay mượn tiền vàng giữa bà N và ông S với số tiền vàng như bà N trình bày nói trên là thực tế có diễn ra, điều này phù hợp với nội dung các biên nhận ghi nợ lập các ngày 13/5/2018, ngày 28/10/2018 và ngày 13/11/2018 do ông S viết và ký tên. Theo nội dung các biên nhận ghi nợ thể hiện ông S có vay của bà N (tên thường gọi Hai L) 02 lần với số tiền tổng cộng 15.000.000 đồng và mượn 05 chỉ vàng 24k. Kể từ khi vay mượn số tiền vàng đến nay ông S chưa trả cho bà N gốc lãi số tiền vàng vay mượn như thỏa thuận nên bà N khởi kiện yêu cầu ông S trả tiền vay gốc 15.000.000 đồng và vàng mượn 05 chỉ vàng 24k là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất tiền vay: Hai bên thỏa thuận số tiền vay 15.000.000 đồng, mỗi tháng ông S phải trả lãi cho bà N với mức lãi 05%/tháng là vượt mức lãi suất pháp luật quy định, theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trường các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Do lãi suất hai bên thoả thuận vượt mức lãi suất pháp luật quy định nên cần phải điều chỉnh lại, tuy nhiên tại phiên toà phía bà N yêu cầu tính mức lãi suất và thời gian trả lãi số tiền vay phù hợp với quy định nên được chấp nhận, cụ thể số tiền lãi ông S

phải trả cho bà N như sau: Số tiền gốc 15.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 74 tháng (tính tròn từ tháng 11 năm 2018 cho đến tháng 01 năm 2025) = 18.426.000 đồng.

[2.3] Tổng cộng ông Siển trả cho bà N số tiền vay gốc lãi 33.426.000 đồng và vàng mượn 05 chỉ vàng 24k.

[3] Về án phí: Do khởi kiện của bà N được chấp nhận nên ông S phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% trên số tiền vàng có nghĩa vụ (giá vàng tại thời điểm giải quyết là 9.000.000 đồng/01 chỉ vàng 24k) với số tiền án phí là 3.921.000 đồng. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với ông Lê Văn S. Buộc ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị N số tiền vay gốc lãi 33.426.000 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng) và số vàng mượn 05 (Năm) chỉ vàng 24k.

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Phạm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, ông Lê Văn S chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự có giá ngạch ông Lê Văn S phải chịu 3.921.000 đồng (Ba triệu chín trăm hai mươi mốt ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị N và ông Lê Văn S vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Việt